

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2017/HSPT

Ngày: 03-8-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2017/HSPT ngày 14 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trức G do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Trức G (Đ)**, sinh năm 1985 tại tỉnh B; nơi cư trú: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; *số chứng minh nhân dân:* xxxxxxxxxx; *nghe nghiệp:* làm thuê; *trình độ văn hóa:* 9/12; *dân tộc:* kinh; con ông Nguyễn Văn U và bà Đặng Thị Ngọc Đ (chết); *tiền án, tiền sự:* không; *bị cáo tại ngoại.* (có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 15 phút ngày 06/12/2016, Nguyễn Trức G đi từ tỉnh T đến nhà chị Nguyễn Ánh L ở ấp O, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre để nói chuyện tình cảm. Khi đến nơi, G đi vào nhà bằng cửa hông rồi lên nhà trên núp sau cánh cửa tủ thờ. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, sau khi cho heo ăn xong thì chị L vào nhà khóa cửa hông lại để vào nhà vệ sinh tắm. Trước khi tắm, chị L để số tiền 2.728.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen trên cái ghế nhựa trước phòng vệ sinh. Đợi chị L đóng cửa phòng vệ sinh lại, G đi từ nhà trên xuống lấy trộm tiền và điện thoại rồi mở cửa hông tẩu thoát. Ngày 07/12/2016, G đến Công an xã Q đầu thú, giao nộp lại số tiền 2.728.000 đồng và điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen.

Tại bản kết luận định giá số 1293/KL-HĐĐG ngày 29/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen giá trị còn lại là 500.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trúc G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Trúc G 09 (chín) tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/5/2017, bị cáo Nguyễn Trúc G kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Trúc G 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo,

XÉT THẤY:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Nguyễn Trúc G lén lút lấy trộm số tiền 2.728.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen trị giá 500.000 đồng của chị Nguyễn Ánh L để quy kết bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 09 tháng tù là thỏa đáng, đúng quy định của pháp luật. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp tài liệu mới là “Bảng thành tích gia đình” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét gia đình của bị cáo có công với đất nước là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo đã được hưởng theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; đồng thời bản thân bị cáo đã nhiều lần vi

phạm pháp luật bị chính quyền địa phương lập hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản và bị Tòa án kết án về tội cố ý gây thương tích, song bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục phạm tội do cố ý. Điều đó đã minh chứng rằng bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Do đó, kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên yêu cầu thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù là chưa đủ căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật Tố tụng Hình sự và Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm: xử phạt bị cáo Nguyễn Trúc G 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Trúc G phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- TAND huyện Châu Thành (3b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã H – Tp. B (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Quang Sơn